TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/DS-PT
Ngày: 10/02/ 2025
V/v Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***:** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 588/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 365/2024/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 696/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Công T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người địa diện theo ủy quyền: Anh Võ Đức T1, sinh năm 2001 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp E, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Mỹ L – Đoàn Luật sư tỉnh T, Văn Phòng L1 – Chi nhánh M (Xin vắng mặt);

Địa chỉ : Số A N phường A, Thành phố M Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1.Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1995 (Có mặt).

Nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện tại : Tổ B, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm 1995 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Anh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn anh Huỳnh Công T trình bày: Anh có cho vợ chồng anh Nguyễn Anh T2 và chị Nguyễn Thị Ngọc H vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay là anh T2, chị H phát triển kinh tế gia đình. Anh T2, chị H vay nhiều lần. Khi vay hai bên không có thỏa thuận lãi suất, mỗi lần vay đều có làm biên nhận, cụ thể những lần vay như sau:

Ngày 31/12/2022, vay số tiền 60.000.000 đồng, anh T2 chị H ký tên giấy mượn tiền cùng ngày.

Ngày 28/10/2023, vay số tiền 100.000.000 đồng, chị H ký tên vào giấy mượn tiền cùng ngày.

Hai lần vay trên, chị H anh T2 hứa đến ngày 30/12/2023 sẽ trả hết tiền.

Ngày 20/12/2023, vay số tiền 100.000.000 đồng, chị H ký tên vào giấy mượn tiền cùng ngày.

Ngày 24/01/2024, vay số tiền 40.000.000 đồng, chị H ký tên vào giấy mượn tiền cùng ngày.

Hai lần vay này, chị H hứa đến ngày 30/4/2024 sẽ trả tiền.

Đến nay đã quá thời han trả tiền nhưng phía anh T3, chị H không trả tiền cho anh. Nay anh yêu cầu anh T2 và chị H liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng, không tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Anh T2 vắng mặt.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 365/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang áp dụng Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Công T.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Anh T2 có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh Công T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2

Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Anh T2 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không đồng ý trả cho anh Huỳnh Công T số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Số tiền vay của các bên đương sự phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị H – anh T2 nên Tòa án sơ thẩm đã xác định nợ chung của vợ chồng là có căn cứ; chị H cho rằng các biên nhận nợ là viết lại các khoản nợ cũ là không có cơ sở để chấp nhận. Xét chứng cứ là bảng sao kê tài khoản do chị H cung cấp tại Tòa án phúc thẩm thì thấy rằng , số tiền vay 60.000.000 đồng đã được trả xong là có cơ sở; Số tiền còn lại của 03 tờ biên nhận với tổng số tiền 240.000.000đồng thì chị H có chuyển khoản tổng cộng 27 lần với tổng số tiền 69.950.000đồng, còn lại 170.050.000đồng chị H – anh T2 tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn , sửa một phần bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Anh T2, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm thì đại diện ủy quyền của nguyên đơn cũng để nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt

Luật sư, nguyên đơn sẽ tự tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Huỳnh Công T khởi kiện bị đơn Nguyễn Thị Ngọc H cùng chồng Nguyễn Anh T2 đòi số tiền 300.000.000đồng. Nguyên đơn chứng minh bằng 04 tờ biên nhận cụ thể như sau:

- Ngày 31/12/2022 H – T2 ký nhận số tiền 60.000.000đồng;
- Ngày 28/10/2023 H ký nhận số tiền 100.000.000đồng;
- Ngày 20/12/2023 H ký nhận số tiền 100.000.000đồng;
- Ngày 24/01/2024 H ký nhận số tiền 40.000.000đồng;

Quá trình Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết thì vợ chồng bị đơn (H – T2) vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng từ công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, buộc Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Anh T2 liên đới trả số tiền 300.000.000đồng thì bị đơn kháng cáo bản án cho rằng đã chuyển khoản trả tiền đủ 300.000.000đồng cho nguyên đơn xong và cung cấp bảng sao kê tài khoản cho Tòa án phúc thẩm.

[3] Xét đơn kháng cáo của Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Anh T2, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]Trước hết , đối với số tiền vay 300.000.000đồng , nguyên đơn chứng minh bằng 04 tờ biên nhận nợ , được bị đơn thừa nhận. Nên xác định đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T2 trình bày, anh cùng chị H vay số tiền 60.000.000đồng, số nợ còn lại 240.000.000đồng do chị H tự vay và không có ý kiến của anh. Anh T2 cho rằng vợ chồng anh đã ly hôn. Xét thấy, căn cứ quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 92/2024/QĐ-CNTTLH ngày 30/5/2024 thì ngày 30/5/2024 thì anh T2 – chị H mới chính thức ly hôn. Số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên Tòa án sơ thẩm buộc vợ chồng anh T2 – Chị H liên đới cùng trả nợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2]Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T2 - chị H cung cấp chứng cứ là bảng sao kê tài khoản ngân hàng của chị H từ ngày 01/01/2022 đến ngày 28/02/2024 (gồm 205 trang) để chứng minh việc chuyển khoản qua tài khoản số 070068285524 do anh Huỳnh Công T đứng tên. Xét thấy:

- Đối với số tiền vay ngày 31/12/2022 là **60.000.000 đồng**, cả hai vợ chồng cùng ký tên vào biên nhận đã được chuyển khoản trả nợ cho anh T vào ngày 14/02/2023. Xét thấy, lời trình bày của chị H – anh T2 là có cơ sở, phù hợp bảng sao kê tài khoản do ngân hàng cung cấp, nên chấp nhận phần kháng cáo của anh T2 – chị H về số tiền 60.000.000đồng đã trả xong.

- Đối với số tiền vay **240.000.000 đồng** còn lại bao gồm: Ngày 28/10/2023 vay 100.000.000đồng; Ngày 20/12/2023 vay 100.000.000đồng và ngày 24/01/2024 vay số tiền 40.000.000đồng. Chị H cho rằng đây là số tiền vay phát sinh từ đầu năm 2022 với số tiền 100.000.000đồng, chị đã nhiều lần trả tiền góp thông qua hình thức chuyển khoản nhưng trả không đầy đủ nên anh T yêu cầu chị viết lại biên nhận mới với số tiền như trên nhưng thực chất là tiền lãi. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì không thừa nhận lời trình bày bị đơn. Xét thấy, nguyên đơn không thừa nhận việc viết lại biên nhận mới và viết biên nhận lãi nhưng bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh. Trong khi đó các biên nhận đều ghi rất rõ là tiền mượn và hẹn ngày trả đầy đủ. Cho nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Xét chứng cứ là bảng sao kê tài khoản ngân hàng do bị đơn cung cấp thể hiện việc chuyển khoản tiền qua tài khoản của anh T từ ngày 01/01/2022 đến ngày 28/02/2024. Xét thấy, ngoài 02 lần chuyển khoản ngày 14/02/2023 (Trả cho biên nhận vay 60.000.000đồng) thì các lần chuyển khoản từ ngày 01/01/2022 đến ngày 27/10/2023 thì không có giá trị chứng minh cho việc chị H trả cho khoản nợ 240.000.000đồng. Bởi lẽ, các lần chuyển tiền này đều phát sinh trước ngày mượn nợ (trước ngày 28/10/2023). Hội đồng xét xử có xem xét các lần chuyển khoản của chị H sau ngày 28/10/2023 sẽ được khấu trừ vào số tiền vay của chị H là phù hợp với lời trình bày của chị H cho rằng trả góp cho anh T. Căn cứ bản sao kê tài khoản ngân hàng thì từ 22/11/2023 (sau ngày 28/10/2023) thì chị H có chuyển khoản cho anh T 27 lần với tổng số tiền **69.950.000đồng** . Có cơ sở xác định số tiền này là số tiền chị H trả góp cho anh T đối với số nợ 240.000.000đồng. Như vậy, chị H – anh T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền 240.000.000đồng – 69.950.000đồng = 170.050.000đồng .

[4] Từ những căn cứ phân tích như trên, xét kháng cáo của chị H – anh T2 là có cơ sở một phần được chấp nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị H –anh T2 có trách nhiệm liên đới trả anh T số tiền **170.050.000đồng.**

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6]Về án phí : Do sửa bản án sơ thẩm nên chị H , anh T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp sẽ được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà chị hương, anh T2 phải chịu. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Anh T2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 365/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Công T.

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Anh T2 có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh Công T số tiền **170.050.000đồng.** Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T đòi chị H, anh T2 trả số tiền 129.950.000đồng.

4. Về án phí:

- Anh Huỳnh Công T phải chịu 6.497.500đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 7.500.000đồng tạm ứng án phí anh T nộp theo biên lai thu tiền số 0007600 ngày 28/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên được hoàn lại số tiền 1.002.500đồng.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Anh T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, và phải chịu 8.502.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (anh T2 nộp) và 300.000đồng chị H nộp) theo biên lai thu tiền số 0008017,0008016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên phải nộp tiếp số tiền 7.902.500đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt